

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150/2007/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 30 tháng 12 năm 1981, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 21 tháng 12 năm 1990, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 22 tháng 6 năm 1994 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên ngày 27 tháng 8 năm 1996;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về đối tượng, yêu cầu huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai; tổ chức huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai chuyển thành quân nhân dự bị hạng một; trách nhiệm trong tổ chức huấn luyện, chế độ chính sách và kinh phí bảo đảm cho việc huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai.

2. Việc tổ chức huấn luyện nâng cao chất lượng quân nhân dự bị hạng hai đã sắp xếp trong các đơn vị dự bị động viên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng gọi tham gia huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai

1. Hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ dưới sáu tháng.

2. Công dân nam chưa phục vụ tại ngũ từ 26 tuổi trở lên được chuyển sang ngạch dự bị.

3. Công dân nữ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định tại Điều 4 của Luật Nghĩa vụ quân sự.

Điều 3. Yêu cầu huấn luyện

Huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai phải đúng đối tượng, đủ số lượng và thời gian, đúng nội dung, chương trình quy định cho từng đối tượng, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên và sẵn sàng chiến đấu của Quân đội.

Chương II

TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN QUÂN NHÂN DỰ BỊ HẠNG HAI CHUYỂN THÀNH QUÂN NHÂN DỰ BỊ HẠNG MỘT

Điều 4. Giao chỉ tiêu huấn luyện

1. Hàng năm, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao chỉ tiêu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ, ngành) tuyển chọn quân nhân dự bị hạng hai giao cho các đơn vị quân đội huấn luyện chuyển thành quân nhân dự bị hạng một.

2. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) chỉ tiêu tuyển chọn và gọi quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện; người đứng đầu các Bộ, ngành giao chỉ tiêu tuyển chọn quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện cho các đơn vị trực thuộc.

3. Căn cứ quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người đứng đầu đơn vị trực thuộc các Bộ, ngành có quân nhân dự bị hạng hai đăng ký nghĩa vụ quân sự trên địa bàn huyện, chỉ huy trưởng quân sự cấp huyện gọi từng quân nhân dự bị hạng hai tập trung để bàn giao cho các đơn vị quân đội được giao nhiệm vụ huấn luyện.

Điều 5. Tiêu chuẩn tuyển chọn nam quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện để chuyển thành quân nhân dự bị hạng một

1. Nam quân nhân dự bị hạng hai đến hết 35 tuổi.

2. Tiêu chuẩn chính trị, sức khỏe như tiêu chuẩn chính trị, sức khỏe trong tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm do Bộ Quốc phòng hướng dẫn.

3. Tiêu chuẩn trình độ văn hoá: từ lớp 8 trở lên, những địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa được tuyển chọn một số quân nhân dự bị hạng hai có trình độ văn hoá cấp tiểu học.

Điều 6. Nội dung huấn luyện

Nội dung huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai chuyển thành quân nhân dự bị hạng một bao gồm giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự, hậu cần, kỹ thuật. Nội dung và chương trình huấn luyện cụ thể do Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 7. Quản lý quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện

Trong thời gian tập trung huấn luyện, quân nhân dự bị hạng hai chịu sự quản lý của các đơn vị Quân đội được giao nhiệm vụ huấn luyện và thực hiện các quy định tại Điều lệnh quản lý bộ đội của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 8. Thời gian huấn luyện

1. Thời gian huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai để chuyển thành quân nhân dự bị hạng một là sáu tháng. Số lần huấn luyện, thời gian huấn luyện mỗi lần do Bộ Quốc phòng quy định, nhưng một năm không quá hai lần tập trung huấn luyện.

2. Nam quân nhân dự bị hạng hai có thời gian huấn luyện tập trung đủ sáu tháng thì được chuyển thành quân nhân dự bị hạng một. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện làm thủ tục đăng ký chuyển hạng và cấp giấy chứng nhận quân nhân dự bị hạng một theo quy định tại Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN QUÂN NHÂN DỰ BỊ HẠNG HAI

Điều 9. Bộ Quốc phòng

1. Hàng năm, Bộ Quốc phòng xây dựng chỉ tiêu huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.
2. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tuyển chọn và gọi quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện trong phạm vi cả nước.

Điều 10. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức tuyển chọn quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện chuyển thành quân nhân dự bị hạng một theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
2. Các Bộ, ngành được Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu huấn luyện đơn vị chuyên môn dự bị có quân nhân dự bị hạng hai chủ trì, phối hợp với các đơn vị thường trực của quân đội được Bộ Quốc phòng giao chỉ tiêu tiếp nhận đơn vị chuyên môn dự bị của Bộ, ngành để tổ chức huấn luyện.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHO HUẤN LUYỆN QUÂN NHÂN DỰ BỊ HẠNG HAI

Điều 11. Chế độ chính sách

Trong thời gian tập trung huấn luyện, quân nhân dự bị hạng hai được hưởng các chế độ chính sách quy định tại Nghị định số 39/CP ngày 28 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên và Nghị định số 17/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn cụ thể việc thực hiện.

Điều 12. Kinh phí bảo đảm

1. Ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Quốc phòng bảo đảm chi cho các nội dung:
 - a) Chi phụ cấp cho quân nhân dự bị hạng hai thuộc diện không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
 - b) Chi ăn, ở, quân trang, đồ dùng sinh hoạt cho quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện;
 - c) Chi công tác tổ chức huấn luyện;
 - d) Chi cho các nội dung khác liên quan đến huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai.
2. Ngân sách nhà nước cấp cho các Bộ, ngành chi cho các nội dung:
 - a) Chi tổ chức tuyển chọn quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện;

b) Chi huấn luyện đơn vị chuyên môn dự bị thuộc chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, ngành.

3. Ngân sách địa phương bảo đảm chi cho các nội dung:

a) Chi tổ chức tuyển chọn và gọi quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện;

b) Chi trợ cấp gia đình quân nhân dự bị hạng hai trong thời gian tập trung huấn luyện;

c) Chi công tác huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai thuộc chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương huấn luyện bằng nguồn ngân sách địa phương gồm: chi công tác tổ chức huấn luyện; chi phụ cấp cho quân nhân dự bị thuộc diện không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; chi ăn, ở, đồ dùng sinh hoạt cho quân nhân dự bị; chi các nội dung khác liên quan đến huấn luyện quân nhân dự bị hạng hai.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong tuyển chọn và gọi quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện và trong quá trình huấn luyện thì được khen thưởng theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Người nào có hành vi trốn tránh, cản trở, chống lại việc tuyển chọn và gọi quân nhân dự bị hạng hai tập trung huấn luyện; thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định hoặc bao che cho người vi phạm quy định của Nghị định này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với quy định của Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). A.

Số: 84/2020/TT-BQP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH HÌNH THỨC, NỘI DUNG, THỜI GIAN SINH HOẠT CỦA QUÂN NHÂN DỰ BỊ

*Căn cứ Luật Lực lượng dự bị động viên ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;
Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định hình thức, nội dung, thời gian sinh hoạt của quân nhân dự bị.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hình thức, nội dung, thời gian sinh hoạt của quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân có chỉ tiêu tiếp nhận quân nhân dự bị và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cán bộ Khung A* là sĩ quan tại ngũ được biên chế trong đơn vị khung thường trực của Quân đội nhân dân.

2. *Cán bộ Khung B* là quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên, có quy mô tổ chức từ cấp tiểu đội và tương đương đến cấp trung đoàn và tương đương.

Điều 4. Hình thức sinh hoạt quân nhân dự bị

1. Quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên được tổ chức sinh hoạt theo hình thức tập trung.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cùng cấp tổ chức sinh hoạt đối với cán bộ Khung B. Trường hợp địa bàn rộng hoặc cán bộ Khung B số lượng đông, tổ chức sinh hoạt theo cụm xã.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã: Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cùng cấp tổ chức sinh hoạt đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.

Điều 5. Nội dung sinh hoạt quân nhân dự bị

1. Đối với cán bộ Khung B

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện chủ trì sinh hoạt, nội dung gồm: Kiểm tra quân số cán bộ Khung B; thông báo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quán triệt nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương và những nội dung có liên quan đến nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên; nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện trách nhiệm quản lý đơn vị của cán bộ Khung B.

b) Đơn vị Quân đội nhân dân có chỉ tiêu tiếp nhận quân nhân dự bị:

Sau khi Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức sinh hoạt theo quy định tại điểm a khoản này, cán bộ Khung A chủ trì sinh hoạt cán bộ Khung B thuộc biên chế của đơn vị, nội dung gồm:

- Cán bộ Khung A thông báo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý và phương hướng nhiệm vụ quý tiếp theo của đơn vị.

- Cán bộ Khung B báo cáo tổng hợp tình hình đơn vị dự bị động viên thuộc quyền quản lý theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Cán bộ Khung A phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện trách nhiệm quản lý đơn vị dự bị động viên của cán bộ Khung B.

c) Biên bản sinh hoạt do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện lập theo quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Chi trả phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ Khung B:

- Sau khi tổ chức sinh hoạt theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện thực hiện chi trả phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ Khung B. Việc cấp phát phụ cấp trách nhiệm được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 03, Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Chi trả phụ cấp trách nhiệm phải đúng đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định và phải có xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ trong tháng, quý của cấp có thẩm quyền vào Sổ tổng hợp tình hình đơn vị dự bị động viên.

- Trường hợp cán bộ Khung B đủ điều kiện được hưởng phụ cấp trách nhiệm nhưng không trực tiếp đến nhận, nếu có lý do chính đáng, được ủy quyền cho người lãnh thay; giấy ủy quyền phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã) nơi cán bộ Khung B cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi cán bộ Khung B đang lao động, học tập, làm việc; việc ủy quyền không quá hai lần liên tiếp.

2. Đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chủ trì sinh hoạt, nội dung gồm: Kiểm tra quân số; thông báo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quán triệt nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương và những nội dung có liên quan đến nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên; đánh giá kết quả, khả năng sẵn sàng động viên và hoàn thành nhiệm vụ của quân nhân dự bị. Biên bản sinh hoạt theo quy định tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Chi trả phụ cấp cho quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên:

- Sau khi tổ chức sinh hoạt theo quy định tại điểm a khoản này, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức chi trả phụ cấp cho quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên. Việc cấp phát phụ cấp được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp quân nhân dự bị đủ điều kiện được hưởng phụ cấp nhưng không trực tiếp đến nhận, nếu có lý do chính đáng, được ủy quyền cho người lãnh thay; giấy ủy quyền phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã) nơi quân nhân dự bị cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc.

3. Báo cáo kết quả sinh hoạt và chi trả phụ cấp cho quân nhân dự bị

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh) kết quả sinh hoạt và chi trả phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ Khung B theo quy định tại Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả sinh hoạt quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên theo quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thời gian sinh hoạt quân nhân dự bị

1. Mỗi quý một lần (vào tháng cuối quý), Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức sinh hoạt cán bộ Khung B, thời gian sinh hoạt không quá ½ ngày.

2. Tháng 12 hằng năm, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã) tổ chức sinh hoạt quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên, thời gian sinh hoạt không quá ½ ngày.

Điều 7. Thành phần sinh hoạt quân nhân dự bị

1. Thành phần sinh hoạt cán bộ Khung B, gồm: Đại diện chính quyền địa phương, cơ quan quân sự địa phương, cán bộ Khung A; cán bộ Khung B.

2. Thành phần sinh hoạt quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên, gồm: Đại diện chính quyền địa phương, cơ quan quân sự địa phương; quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

2. Các Điều 1, 2, 3, 4 và 5 những quy định về chế độ sinh hoạt, chế độ báo cáo, chế độ kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên; về trách nhiệm phối hợp giữa địa phương, đơn vị trực thuộc Bộ với đơn vị thường trực; về chuẩn bị những điều kiện cần thiết để huy động lực lượng dự bị động viên; về địa điểm giao nhận lực lượng dự bị động viên và về thời gian hoàn thành việc huy động lực lượng dự bị động viên ban hành kèm theo Quyết định số 66/QĐ-QP ngày 24 tháng 01 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Bộ Tổng Tham mưu chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan trong việc thực hiện Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Phan Văn Giang

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo Thủ tướng);
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải;
- UBND 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- BTM, TCCT, TCHC, TCKT;
- Các quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng;
- BTL: 86, BDBP, TĐHN, TP Hồ Chí Minh;
- Các học viện, nhà trường, Tập đoàn CN-VT Quân đội;
- Bệnh viện: QY175, TWQĐ 108, Viện YHCT Quân đội;
- Bộ CHQS 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/Bộ Tư pháp;
- C11, C12, C41, C44, C56, C85;
- Cổng TTĐT Bộ Quốc phòng, Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, NCTH, Chien199.

Số: 78/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

VỀ SĨ QUAN DỰ BỊ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Lực lượng dự bị động viên ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị; đăng ký, quản lý, huấn luyện; sắp xếp, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; giải ngạch sĩ quan dự bị; gọi sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan dự bị, hạ sĩ quan dự bị; quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ.

2. Sĩ quan, cán bộ là quân nhân chuyên nghiệp khi thôi phục vụ tại ngũ có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của sĩ quan dự bị.

3. Cán bộ, công chức, viên chức không thuộc hệ thống tổ chức của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức); công dân tốt nghiệp đại học trở lên; sinh viên khi tốt nghiệp đại học được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị.

4. Học viên tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở, đủ tiêu chuẩn, điều kiện phong quân hàm sĩ quan dự bị.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, bổ nhiệm chức vụ sĩ quan dự bị

1. Đội ngũ sĩ quan dự bị được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; có số lượng và cơ cấu hợp lý; có trình độ, năng lực chỉ huy, quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị phải bảo đảm theo chỉ tiêu, đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn; dân chủ, công khai, đúng pháp luật.

3. Sắp xếp, bổ nhiệm sĩ quan dự bị bảo đảm đúng chức danh biên chế, có chuyên nghiệp quân sự phù hợp; gần, gọn địa bàn; ưu tiên sắp xếp, bổ nhiệm cho các đơn vị bộ đội chủ lực trước, đơn vị bộ đội địa phương sau; kịp thời điều chỉnh khi có thay đổi về tổ chức hoặc đội ngũ sĩ quan dự bị.

Chương II

TUYỂN CHỌN, ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ

Điều 4. Đối tượng, tiêu chuẩn tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị

1. Đối tượng tuyển chọn

- a) Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ;
- b) Hạ sĩ quan dự bị, cán bộ, công chức, viên chức và công dân tốt nghiệp đại học trở lên;
- c) Sinh viên khi tốt nghiệp đại học.

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn

a) Tiêu chuẩn chung

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có lịch sử chính trị của gia đình và bản thân rõ ràng, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc có đủ tiêu chuẩn chính trị để bồi dưỡng phát triển thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân; có trình độ, kiến thức chuyên môn, học vấn, tuổi đời phù hợp với từng đối tượng; sức khỏe từ loại 01 đến loại 03 theo quy định tuyển chọn sức khỏe tuyển quân, tuyển sinh quân sự của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

b) Tiêu chuẩn cụ thể

Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ, hạ sĩ quan dự bị đã giữ chức phó trung đội trưởng hoặc cán bộ tiểu đội và tương đương; tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, nếu thiếu, tuyển chọn đến tốt nghiệp trung học cơ sở; với người dân tộc thiểu số tuyển chọn trình độ học vấn lớp 7 trở lên; tuổi đời đối với quân nhân chuyên nghiệp không quá 35, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ và hạ sĩ quan dự bị không quá 30;

Cán bộ, công chức, viên chức tuổi đời không quá 35; riêng đào tạo sĩ quan dự bị ngành y, dược, tuổi đời không quá 40; đào tạo sĩ quan dự bị chính trị phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

Công dân tốt nghiệp đại học trở lên, tuổi đời không quá 35; sinh viên khi tốt nghiệp đại học, tuổi đời không quá 30.

Điều 5. Kế hoạch đào tạo sĩ quan dự bị

1. Hằng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đề xuất nhu cầu đào tạo sĩ quan dự bị, báo cáo Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch đào tạo sĩ quan dự bị, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và giao chỉ tiêu, nhiệm vụ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là bộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định số lượng cụ thể từng loại sĩ quan dự bị cần đào tạo của các bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 6. Tuyển chọn, xét duyệt, gọi đào tạo sĩ quan dự bị

1. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị đang lao động, làm việc hoặc cư trú tại địa phương, báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xét duyệt; Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định của Bộ Tư lệnh quân khu, kết quả xét duyệt của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định gọi từng người đi đào tạo sĩ quan dự bị.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu, hướng dẫn các học viện, trường đại học (trừ các học viện, nhà trường thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) tuyển chọn, xét duyệt sinh viên khi tốt nghiệp đại học đi đào tạo sĩ quan dự bị; thẩm định kết quả xét duyệt, đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định; giám đốc, hiệu trưởng các học viện, trường đại học trao quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gọi đào tạo sĩ quan dự bị đến từng sinh viên.

3. Đơn vị cấp dưới trực tiếp đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức tuyển chọn quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ đi đào tạo sĩ quan dự bị theo kế hoạch được giao. Đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng thẩm định nhân sự và quyết định gọi từng người đi đào tạo sĩ quan dự bị.

4. Các đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị và chấp hành quyết định gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị của cấp có thẩm quyền.

5. Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao tuyển chọn nguồn đào tạo sĩ quan dự bị có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi cho đối tượng được gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị theo quy định của pháp luật.

6. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí bảo đảm tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Quốc phòng;

b) Kinh phí tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm;

c) Kinh phí bảo đảm tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định này do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị

1. Hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị, gồm:

a) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc Thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi lao động, học tập, làm việc (đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên, sinh viên khi tốt nghiệp đại học và hạ sĩ quan dự bị); hồ sơ quân nhân (đối tượng là quân nhân chuyên nghiệp và hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ);

b) Bản thẩm tra xác minh lý lịch;

c) Phiếu (giấy) khám sức khỏe;

d) Bản sao chụp các văn bằng, chứng chỉ, bản công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm lập hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện lập hồ sơ đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị; Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm cung cấp hồ sơ;

b) Cấp trung đoàn và tương đương trở lên lập hồ sơ đối tượng quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ;

c) Các học viện, trường đại học lập hồ sơ đối tượng sinh viên khi tốt nghiệp đại học.

3. Thời gian hoàn thành lập hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại

các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Nghị định này là 30 ngày, trước ngày thông báo có mặt nhập học tại các học viện, nhà trường Quân đội.

4. Các học viện, nhà trường Quân đội được giao đào tạo sĩ quan dự bị, trong thời gian đào tạo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sĩ quan dự bị (hồ sơ gốc) trên cơ sở hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị, nội dung bổ sung, hoàn thiện gồm: Lý lịch sĩ quan dự bị, quyết định phong quân hàm sĩ quan dự bị, giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị và các giấy tờ khác có liên quan. Kết thúc khóa đào tạo, bàn giao hồ sơ về Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi sĩ quan dự bị cư trú hoặc lao động, làm việc.

Điều 8. Tổ chức, thời gian, chương trình đào tạo sĩ quan dự bị

1. Tổ chức đào tạo sĩ quan dự bị

Các học viện, nhà trường Quân đội được giao đào tạo và cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị.

2. Thời gian, ngành đào tạo sĩ quan dự bị

a) Hạ sĩ quan dự bị, cán bộ, công chức, viên chức và công dân tốt nghiệp đại học trở lên đào tạo sĩ quan dự bị bộ binh, chính trị và ngành y, được là 03 tháng;

b) Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ đào tạo sĩ quan dự bị bộ binh; sinh viên khi tốt nghiệp đại học đào tạo sĩ quan dự bị bộ binh và ngành y, được là 04 tháng;

c) Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ đào tạo sĩ quan dự bị quân chủng, binh chủng là 05 tháng.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chương trình, nội dung đào tạo đối với từng đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ, HUẤN LUYỆN SĨ QUAN DỰ BỊ

Điều 9. Đăng ký ngạch sĩ quan dự bị

1. Đối tượng đăng ký ngạch sĩ quan dự bị

a) Sĩ quan, cán bộ là quân nhân chuyên nghiệp khi thôi phục vụ tại ngũ còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện của sĩ quan dự bị;

b) Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ và hạ sĩ quan dự bị đã được đào tạo sĩ quan dự bị;

c) Cán bộ, công chức, viên chức và công dân tốt nghiệp đại học trở lên, sinh viên khi tốt nghiệp đại học đã được đào tạo sĩ quan dự bị;

d) Những người tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở đã được phong quân hàm sĩ quan dự bị.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không được đăng ký ngạch sĩ quan dự bị trong các trường hợp sau:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Bị phạt tù hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ;

c) Xuất cảnh trái phép hoặc ở lại nước ngoài trái phép;

d) Không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.

3. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, có quyết định của cơ quan có thẩm quyền là không có tội, thì được đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị.

Điều 10. Trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị

1. Đăng ký lần đầu

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này về nơi cư trú hoặc nơi lao động, làm việc (theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền) phải mang giấy giới thiệu và thẻ sĩ quan dự bị đến Ban Chỉ

huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho các đối tượng nêu trên đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tại nơi cư trú để đăng ký;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp danh sách sĩ quan dự bị đã đăng ký báo cáo về Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi sĩ quan dự bị cư trú, lao động, làm việc để quản lý.

2. Đăng ký bổ sung

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày sĩ quan dự bị có sự thay đổi các yếu tố đã đăng ký, phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức để đăng ký bổ sung. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho sĩ quan dự bị đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tại nơi cư trú để đăng ký bổ sung;

b) Hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp đăng ký bổ sung của sĩ quan dự bị báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

3. Đăng ký di chuyển

a) Sĩ quan dự bị trước khi di chuyển nơi cư trú hoặc nơi lao động, học tập, làm việc từ huyện này sang huyện khác phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện sở tại để làm thủ tục giới thiệu chuyển về Ban Chỉ huy quân sự nơi sẽ đến cư trú, hoặc lao động, học tập, làm việc mới;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày đến nơi cư trú, hoặc lao động, học tập, làm việc mới, sĩ quan dự bị phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi đến để đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đăng ký vắng mặt

a) Sĩ quan dự bị khi vắng mặt tại nơi cư trú hoặc nơi đang lao động, học tập, làm việc:

Vắng mặt từ 30 ngày trở lên, sĩ quan dự bị phải báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, hoặc cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, học tập, làm việc. Hằng tháng, nếu có sĩ quan dự bị vắng mặt, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

Sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên vắng mặt từ 03 tháng trở lên, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phải thông báo cho đơn vị nhận nguồn sĩ quan dự bị biết; khi có lệnh tổng động viên, hoặc động viên cục bộ, sĩ quan dự bị phải trở về ngay nơi cư trú, hoặc nơi đang lao động, học tập, làm việc để sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

b) Sĩ quan dự bị được cử đi công tác, học tập, làm việc ở nước ngoài hoặc ra nước ngoài vì việc riêng:

Thời hạn từ 01 năm trở lên, sĩ quan dự bị phải báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc và nộp thẻ sĩ quan dự bị; chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày sĩ quan dự bị ra nước ngoài, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện để đăng ký vắng mặt dài hạn và nộp lại thẻ sĩ quan dự bị;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ở nước ngoài về đến nơi cư trú, hoặc nơi lao động, học tập, làm việc, sĩ quan dự bị phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban

Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc để đăng ký lại;

Thời hạn dưới 01 năm, sĩ quan dự bị phải nộp lại thẻ sĩ quan dự bị tại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày sĩ quan dự bị ra nước ngoài hoặc ở nước ngoài về nước, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cư trú.

5. Đăng ký riêng

a) Sĩ quan dự bị thuộc diện được miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 và 9 Nghị định số 14/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định ngành, nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân đối với công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; công dân thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến và việc huấn luyện binh sĩ dự bị hạng hai; trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày sĩ quan dự bị nhận quyết định bổ nhiệm chức vụ thuộc diện nêu trên, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc thông báo bằng văn bản cho Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện sở tại biết để đăng ký vào diện miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến;

b) Sĩ quan dự bị không còn giữ các chức vụ quy định tại điểm a khoản này, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thôi giữ chức vụ thuộc diện được miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu, hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức thông báo bằng văn bản cho Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cư trú để đăng ký lại.

Điều 11. Trách nhiệm đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị

1. Bộ Quốc phòng chỉ đạo và hướng dẫn việc đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị trong phạm vi cả nước.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quân sự cùng cấp thực hiện đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị ở địa phương.

3. Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thực hiện việc đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị.

4. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị.

5. Các cơ quan, tổ chức chỉ tiếp nhận, bố trí việc làm và giải quyết các quyền lợi cho sĩ quan dự bị khi đã thực hiện nghĩa vụ đăng ký và tạo mọi điều kiện để sĩ quan dự bị thực hiện đầy đủ các quy định về đăng ký ngạch sĩ quan dự bị.

6. Các đơn vị thường trực, các học viện, nhà trường Quân đội đào tạo sĩ quan dự bị làm thủ tục, giới thiệu sĩ quan dự bị về đăng ký lần đầu tại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã nơi sĩ quan dự bị cư trú hoặc lao động, học tập, làm việc.

7. Các đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân phải thường xuyên phối hợp với cơ quan quân sự địa phương các cấp trong việc phúc tra, đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị mình.

8. Nguồn kinh phí

- a) Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý sĩ quan dự bị do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Quốc phòng;
- b) Kinh phí đăng ký sĩ quan dự bị do ngân sách địa phương bảo đảm.

Điều 12. Quản lý hồ sơ, thẻ sĩ quan dự bị

1. Quản lý hồ sơ gốc sĩ quan dự bị

- a) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp úy;
- b) Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Thiếu tá;
- c) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Trung tá trở xuống;
- d) Các quân khu quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Trung tá;
- đ) Bộ Quốc phòng quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Thượng tá trở lên.

2. Thẻ sĩ quan dự bị

- a) Thẻ sĩ quan dự bị là căn cứ để xác định công dân đã được đào tạo và đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị;
- b) Mỗi sĩ quan dự bị chỉ được cấp một thẻ sĩ quan dự bị;
- c) Giá trị của thẻ sĩ quan dự bị gắn với sĩ quan dự bị từ khi đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị đến khi giải ngạch sĩ quan dự bị;
- d) Thẻ sĩ quan dự bị không có giá trị sử dụng trong trường hợp: Thẻ bị sửa chữa, tẩy xóa hoặc người có tên trong thẻ đã giải ngạch sĩ quan dự bị theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về sổ sách, mẫu biểu đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị; thẩm quyền và các trường hợp cấp thẻ, đổi thẻ, thu hồi, quản lý, sử dụng thẻ sĩ quan dự bị.

Điều 13. Khám sức khỏe, kiểm tra sức khỏe

1. Đối tượng khám sức khỏe, kiểm tra sức khỏe

- a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này được khám sức khỏe trước khi đi đào tạo sĩ quan dự bị;
- b) Sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên, được kiểm tra sức khỏe định kỳ 02 năm một lần;
- c) Sĩ quan dự bị chưa sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên được kiểm tra sức khỏe khi có nhu cầu động viên.

2. Lập kế hoạch khám, kiểm tra sức khỏe

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, căn cứ số lượng sĩ quan dự bị cư trú tại địa phương, chỉ tiêu tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị, phối hợp với phòng y tế cấp huyện lập kế hoạch khám, kiểm tra sức khỏe cho sĩ quan dự bị đã được sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

b) Các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các học viện, trường đại học có trụ sở trên địa bàn cấp huyện, có trách nhiệm hiệp đồng với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện sở tại trong việc khám, kiểm tra sức khỏe cho sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị.

3. Tổ chức khám, kiểm tra sức khỏe

a) Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cấp huyện khám sức khỏe cho người được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị; tổ kiểm tra sức khỏe kiểm tra đối với sĩ quan dự bị theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận khám, kiểm tra, phân loại sức khỏe;

b) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nhận xét, đánh giá báo cáo cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp xem xét, cho ý kiến với từng sĩ quan dự bị, báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

c) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổng hợp danh sách, trao đổi với đơn vị dự bị động viên, báo cáo đảng ủy quân sự cùng cấp xem xét đề nghị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh xem xét quyết định những sĩ quan dự bị có cấp bậc, chức vụ thuộc thẩm quyền và đề nghị cấp trên xét duyệt, quyết định những sĩ quan dự bị có cấp bậc, chức vụ thuộc thẩm quyền cấp trên.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, thăng quân hàm sĩ quan dự bị.

3. Thời gian thực hiện

a) Sắp xếp, bổ nhiệm, miễn nhiệm được tiến hành theo từng quý trong năm;

b) Thăng quân hàm sĩ quan dự bị các cấp thực hiện vào tháng 7 hằng năm.

4. Tổ chức trao quyết định

a) Khi có quyết định sắp xếp, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thăng quân hàm sĩ quan dự bị, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức trao quyết định cho sĩ quan dự bị và thông báo bằng văn bản cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc và đơn vị nhận nguồn sĩ quan dự bị;

b) Trường hợp sĩ quan dự bị vi phạm kỷ luật, pháp luật đến mức không còn đủ tiêu chuẩn trao quyết định sắp xếp, bổ nhiệm, thăng quân hàm, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức báo cáo theo quy trình đến cấp có thẩm quyền hủy quyết định.

Điều 23. Các trường hợp giải ngạch sĩ quan dự bị

1. Hết tuổi phục vụ theo quy định tại Điều 38 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Không còn đủ tiêu chuẩn của sĩ quan hoặc không đủ tiêu chuẩn sức khỏe gọi vào phục vụ tại ngũ.

3. Sĩ quan dự bị phải thi hành án phạt tù.

4. Xuất cảnh trái phép hoặc ở lại nước ngoài trái phép.

Điều 24. Thẩm quyền quyết định giải ngạch sĩ quan dự bị

1. Chính ủy hoặc Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chính ủy hoặc Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định giải ngạch sĩ quan dự bị cấp úy.

2. Chính ủy hoặc Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quyết định giải ngạch sĩ quan dự bị cấp Trung tá trở xuống.

3. Chính ủy hoặc Tư lệnh quân khu quyết định giải ngạch sĩ quan dự bị cấp Thiếu tá, Trung tá.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định giải ngạch sĩ quan dự bị các cấp bậc còn lại hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 25. Gọi sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ

1. Trong thời chiến, việc gọi sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ, thực hiện theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Trong thời bình, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định gọi sĩ quan dự bị chưa phục vụ tại ngũ vào phục vụ tại ngũ, thời hạn là 02 năm.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

trụ sở trên địa bàn tổ chức phúc tra sĩ quan dự bị chưa sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên.

2. Phương pháp phúc tra

a) Trực tiếp gặp sĩ quan dự bị, trường hợp sĩ quan dự bị đi vắng thì gặp người đại diện trong gia đình hoặc người đại diện cơ quan quản lý sĩ quan dự bị để nắm và đối chiếu hồ sơ;

b) Trực tiếp gặp trưởng thôn, bản, tổ trưởng dân phố hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức để nắm tình hình những sĩ quan dự bị đã về địa phương hoặc cơ quan, tổ chức chưa đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị hoặc sĩ quan dự bị đi khỏi địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nhưng chưa đăng ký di chuyển.

3. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí phúc tra sĩ quan dự bị của địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm;

b) Kinh phí phúc tra sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào các đơn vị dự bị động viên do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Quốc phòng.

Điều 15. Cán bộ đảm nhiệm công tác sĩ quan dự bị

1. Các cơ quan, tổ chức có Ban Chỉ huy quân sự, do Ban Chỉ huy quân sự đảm nhiệm công tác sĩ quan dự bị; nơi không có Ban Chỉ huy quân sự do người đứng đầu phân công cán bộ kiêm nhiệm công tác sĩ quan dự bị.

2. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trở lên có cán bộ chuyên trách đảm nhiệm công tác sĩ quan dự bị, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện có cán bộ kiêm nhiệm công tác sĩ quan dự bị.

Điều 16. Thống kê, báo cáo

1. Báo cáo định kỳ: Hằng quý, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm thống kê số lượng, chất lượng sĩ quan dự bị báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cư trú trước ngày 15 của tháng cuối quý và hằng năm báo cáo trước ngày 15 tháng 12.

2. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ thống kê, báo cáo về công tác sĩ quan dự bị.

Điều 17. Huấn luyện sĩ quan dự bị

1. Nội dung huấn luyện sĩ quan dự bị, gồm: Huấn luyện chỉ huy quản lý, công tác chính trị, chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ; bổ túc cán bộ đại đội, tiểu đoàn; huấn luyện chuyển loại chuyên nghiệp quân sự (sau đây gọi chung là huấn luyện).

2. Chỉ tiêu huấn luyện sĩ quan dự bị hằng năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Bộ Quốc phòng chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị thuộc quyền phối hợp với các bộ, các địa phương về thời gian, địa điểm, giao nhận sĩ quan dự bị đi huấn luyện; các bộ, các địa phương được giao chỉ tiêu huấn luyện có trách nhiệm huy động đúng đối tượng, đủ số lượng, đúng thời gian, địa điểm, bàn giao cho các đơn vị dự bị động viên; tiếp nhận sĩ quan dự bị sau khi kết thúc khóa huấn luyện.

3. Sĩ quan dự bị có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong lệnh gọi, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và đơn vị trong thời gian huấn luyện.

4. Khi kết thúc khóa huấn luyện, đơn vị tổ chức huấn luyện nhận xét, đánh giá từng sĩ quan dự bị, thông báo bằng văn bản cho Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện và cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thời gian huấn luyện cho từng đối tượng, nhưng không quá 01 tháng trong 01 năm.

Chương IV

SẮP XẾP, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM; GIẢI NGẠCH; GIÁNG CHỨC, CÁCH CHỨC; PHONG, THĂNG, GIÁNG, TƯỚC QUÂN HÀM; GỌI SĨ QUAN DỰ BỊ VÀO PHỤC VỤ TẠI NGŨ

Điều 18. Tiêu chuẩn, điều kiện sắp xếp, bổ nhiệm chức vụ sĩ quan dự bị

1. Sĩ quan dự bị có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có trách nhiệm và thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên; gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của người công dân, chức trách, nhiệm vụ của chức danh, vị trí việc làm, tham gia các hoạt động của địa phương và cơ quan, tổ chức nơi lao động, học tập, làm việc; có tín nhiệm với quần chúng; có trình độ năng lực, kiến thức quân sự, nghiệp vụ theo yêu cầu của từng chức vụ; sĩ quan dự bị bổ nhiệm các chức vụ từ chính trị viên đại đội, đại đội trưởng và tương đương trở lên phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; sức khỏe từ loại 01 đến loại 03.

2. Độ tuổi bổ nhiệm chức vụ lần đầu: Trung đội trưởng không quá 35, cán bộ đại đội không quá 40, cán bộ tiểu đoàn không quá 45, cán bộ trung đoàn không quá 50; những nơi thiếu nguồn có thể bổ nhiệm ở độ tuổi cao hơn nhưng không quá 05 tuổi so với độ tuổi nêu trên.

3. Ưu tiên sắp xếp, bổ nhiệm cho các đơn vị có nhiệm vụ động viên trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao, đơn vị bộ đội chủ lực trước, đơn vị bộ đội địa phương sau; không sắp xếp dàn trải theo đầu mỗi đơn vị được xây dựng và được điều chỉnh kịp thời trong trường hợp có sự biến động, thay đổi trong đội ngũ sĩ quan dự bị.

4. Sĩ quan dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn chức danh ban đầu đào tạo sĩ quan dự bị hoặc chức vụ đã được đảm nhiệm ở đơn vị khi thôi phục vụ tại ngũ, phải được huấn luyện bổ sung theo chức danh mới được bổ nhiệm; trường hợp phải sắp xếp, bổ nhiệm để kiện toàn tổ chức thì sau khi sắp xếp, bổ nhiệm phải được huấn luyện bổ sung.

Điều 19. Miễn nhiệm chức vụ sĩ quan dự bị

1. Khi có quyết định thay đổi tổ chức, biên chế hoặc giải thể đơn vị dự bị động viên của cấp có thẩm quyền, không còn nhu cầu biên chế chức vụ của sĩ quan dự bị đang đảm nhiệm.

2. Sĩ quan dự bị được cấp có thẩm quyền quyết định sắp xếp, bổ nhiệm trong các đơn vị dự bị động viên hoặc được bầu giữ các chức vụ trong hệ thống chính trị, đơn vị sự nghiệp thuộc diện miễn gọi nhập ngũ thời chiến.

3. Sĩ quan dự bị có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn hoặc sức khỏe giảm sút từ loại 4 trở lên, không đủ tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhiệm chức vụ hiện tại.

4. Sĩ quan dự bị được cấp có thẩm quyền quyết định giải ngạch thì đương nhiên miễn nhiệm chức vụ.

5. Sĩ quan dự bị được bổ nhiệm chức vụ trong đơn vị dự bị động viên, khi ra nước ngoài học tập, lao động, làm việc thời gian từ một năm trở lên hoặc thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, chấp hành không nghiêm lệnh gọi tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, kết quả hoàn thành chức trách, nhiệm vụ thấp thì xem xét miễn nhiệm.

Điều 20. Phong, thăng quân hàm sĩ quan dự bị

1. Phong quân hàm sĩ quan dự bị

a) Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, học viên tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm Thiếu úy sĩ quan dự bị;

b) Học viên đào tạo sĩ quan dự bị từ đối tượng cán bộ, công chức, viên chức; tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị loại khá trở lên, kết quả rèn luyện tốt thì căn cứ vào chức vụ

được bổ nhiệm trong các đơn vị dự bị động viên và mức lương đang hưởng để xét phong cấp bậc quân hàm sĩ quan dự bị tương xứng.

2. Thăng quân hàm sĩ quan dự bị

Sĩ quan dự bị có đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau đây thì được xét thăng quân hàm:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; trình độ kiến thức năng lực tương ứng với chức vụ đảm nhiệm; trong thời hạn xét thăng quân hàm thực hiện tốt các quy định về đăng ký, quản lý, huấn luyện, sinh hoạt và lệnh huy động, động viên của cấp có thẩm quyền;

b) Chức vụ đang đảm nhiệm trong đơn vị dự bị động viên và chức vụ Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có nhu cầu cấp bậc quân hàm cao hơn cấp bậc quân hàm hiện tại;

c) Đủ thời hạn xét thăng quân hàm sĩ quan dự bị quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008 và năm 2014.

3. Thăng quân hàm sĩ quan dự bị trước thời hạn

Sĩ quan dự bị có công trình nghiên cứu, có sáng kiến giá trị phục vụ cho quốc phòng hoặc có thành tích xuất sắc, có hành động dũng cảm trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn được tặng thưởng huân chương thì được xét thăng quân hàm trước thời hạn.

Điều 21. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm sĩ quan dự bị

1. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức vụ, phong, thăng quân hàm sĩ quan dự bị

a) Chính ủy hoặc Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chính ủy hoặc Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm đối với sĩ quan dự bị giữ chức vụ từ phó tiểu đoàn trưởng và tương đương trở xuống, thăng quân hàm sĩ quan dự bị cấp úy;

b) Chính ủy hoặc Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quyết định bổ nhiệm đối với sĩ quan dự bị giữ chức vụ từ phó trung đoàn trưởng và tương đương trở xuống; thăng quân hàm sĩ quan dự bị cấp Thiếu tá trở xuống;

c) Chính ủy hoặc Tư lệnh quân khu quyết định bổ nhiệm đối với sĩ quan dự bị giữ chức vụ từ tiểu đoàn trưởng đến trung đoàn trưởng và tương đương, thăng quân hàm sĩ quan dự bị cấp Thiếu tá, Trung tá;

d) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phong quân hàm sĩ quan dự bị; bổ nhiệm chức vụ, thăng quân hàm sĩ quan dự bị các cấp bậc, chức vụ còn lại hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức vụ, phong, thăng quân hàm đến chức vụ, cấp bậc nào thì có quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan dự bị đến chức vụ, cấp bậc đó.

Điều 22. Quy trình, thủ tục, thời gian sắp xếp, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thăng quân hàm sĩ quan dự bị

1. Quy trình thực hiện

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện rà soát, lập danh sách những sĩ quan dự bị đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có nhu cầu sắp xếp, bổ nhiệm, thăng quân hàm hoặc không đủ tiêu chuẩn, điều kiện phải miễn nhiệm, thông báo cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang cư trú hoặc lao động, học tập, làm việc;

b) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, có trách nhiệm triệu tập sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị để khám, kiểm tra sức khỏe;

c) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm gửi giấy triệu tập khám, kiểm tra sức khỏe của Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện đến từng đối tượng được khám, kiểm tra sức khỏe;

d) Sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị đến khám, kiểm tra sức khỏe phải xuất trình giấy triệu tập khám, kiểm tra sức khỏe của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện; chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) hoặc thẻ sĩ quan dự bị;

đ) Đối với quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị do Hội đồng khám sức khỏe đơn vị cấp dưới trực tiếp đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập kế hoạch và tổ chức khám tuyển.

4. Kết luận, phân loại sức khỏe sĩ quan dự bị, đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị thực hiện theo các quy định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe tuyển quân, tuyển sinh quân sự của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

5. Quản lý hồ sơ sức khỏe sĩ quan dự bị, đối tượng được tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị

a) Sổ sức khỏe sĩ quan dự bị do tổ kiểm tra sức khỏe cấp huyện lập, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quản lý; kết quả kiểm tra sức khỏe sĩ quan dự bị được ghi chép đầy đủ vào sổ sức khỏe của từng sĩ quan dự bị để quản lý;

b) Phiếu khám sức khỏe của đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị thực hiện theo mẫu phiếu khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, tuyển sinh quân sự do Hội đồng khám sức khỏe cấp huyện lập; khi tổ chức khám sức khỏe xong, bàn giao cho Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện (đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị) hoặc bàn giao cho cơ sở giáo dục đại học (đối với sinh viên khi tốt nghiệp đại học) để hoàn thiện hồ sơ đào tạo sĩ quan dự bị;

c) Phiếu sức khỏe của quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị do Hội đồng khám sức khỏe đơn vị cấp dưới trực tiếp đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập; khi tổ chức khám sức khỏe xong, bàn giao phiếu sức khỏe cho các đơn vị để hoàn thiện hồ sơ đào tạo sĩ quan dự bị;

d) Kết quả khám, kiểm tra sức khỏe được lưu vào hồ sơ của sĩ quan dự bị.

6. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí bảo đảm khám sức khỏe cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Quốc phòng;

b) Kinh phí khám, kiểm tra sức khỏe cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 và điểm b, điểm c khoản 1 Điều này do ngân sách địa phương bảo đảm;

c) Kinh phí bảo đảm khám sức khỏe cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định này do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 14. Phúc tra sĩ quan dự bị

1. Hằng năm, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện lập kế hoạch phúc tra sĩ quan dự bị hiện có tại địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; hiệp đồng với đơn vị dự bị động viên phúc tra sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên; chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu, hoặc người đại diện hợp pháp có

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 26. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 8 năm 2020.
2. Từ Điều 2 đến Điều 37 và các Điều 42, 44, 45, 46, 47, 48 Nghị định số 26/2002/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Số: 79/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG XÂY DỰNG, HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Lực lượng dự bị động viên ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;
Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định phụ cấp đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị dự bị động viên; phụ cấp theo ngày làm việc; chế độ khám bệnh, chữa bệnh; chế độ trợ cấp tai nạn, trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro; trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị; chế độ, chính sách đối với học viên đào tạo sĩ quan dự bị; chế độ viếng sĩ quan dự bị tử trận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên.
2. Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện (huấn luyện, chuyển loại, chuyên hạng, bổ túc), diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; học viên đào tạo sĩ quan dự bị.
3. Gia đình quân nhân dự bị thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này và gia đình hạ sĩ quan dự bị hạng một trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG XÂY DỰNG, HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Điều 3. Phụ cấp đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên

1. Phụ cấp đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên
 - a) Mức 160.000 đồng/tháng đối với sĩ quan dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.
 - b) Mức 320.000 đồng/năm đối với quân nhân chuyên nghiệp dự bị; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.
2. Phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị dự bị động viên
Quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ cấp tiểu đội và tương đương trở lên được hưởng phụ cấp như sau:
 - a) Mức 480.000 đồng/quý đối với Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng và tương đương.
 - b) Mức 560.000 đồng/quý đối với Trung đội trưởng và tương đương.
 - c) Mức 640.000 đồng/quý đối với Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội và tương đương.

c) Mức 640.000 đồng/quý đối với Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội và tương đương.

d) Mức 720.000 đồng/quý đối với Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội và tương đương.

đ) Mức 800.000 đồng/quý đối với Phó Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên phó tiểu đoàn và tương đương.

e) Mức 880.000 đồng/quý đối với Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn và tương đương.

g) Mức 960.000 đồng/quý đối với Phó Trung đoàn trưởng, Phó Chính ủy trung đoàn và tương đương.

h) Mức 1.040.000 đồng/quý đối với Trung đoàn trưởng, Chính ủy trung đoàn và tương đương.

3. Điều kiện và thời gian hưởng phụ cấp

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có thời gian xếp vào đơn vị dự bị động viên từ đủ 15 ngày trong tháng trở lên thì tháng đó được hưởng phụ cấp; dưới 15 ngày trong tháng thì tháng đó không được hưởng phụ cấp.

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có thời gian xếp vào đơn vị dự bị động viên từ đủ 06 tháng liên tục trở lên thì năm đó được hưởng phụ cấp; dưới 06 tháng thì năm đó không được hưởng phụ cấp.

c) Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này, thực hiện trách nhiệm quản lý đơn vị dự bị động viên và có đủ 45 ngày trong một quý trở lên thì quý đó được hưởng phụ cấp. Trong quý, quân nhân dự bị được bổ nhiệm chức vụ mới thì từ quý tiếp theo được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo chức vụ mới.

d) Thời gian hưởng phụ cấp đối với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là khoảng thời gian quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên.

đ) Đối tượng hưởng phụ cấp quy định tại khoản 2 Điều này thì thôi hưởng phụ cấp tại khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức chi trả

Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức chi trả chế độ phụ cấp đối với đối tượng quy định tại Điều này.

Điều 4. Phụ cấp theo ngày làm việc

Quân nhân dự bị quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này không thuộc diện đang lao động, học tập, làm việc trong các cơ quan, tổ chức và hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được hưởng phụ cấp theo ngày làm việc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Lực lượng dự bị động viên (gọi tắt là Luật) và được thực hiện như sau:

1. Đối với sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, mức phụ cấp 01 ngày được tính bằng tháng tiền lương cơ bản hiện hành của sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm hoặc cùng bậc lương quân nhân chuyên nghiệp tại ngũ chia cho 26 ngày.

2. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị, mức phụ cấp theo ngày làm việc được tính bằng mức phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ có cùng cấp bậc quân hàm (không bao gồm phụ cấp quân hàm do kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ). Nếu thời gian tập trung từ 05 ngày đến 15 ngày thì được hưởng 1/2 tháng phụ cấp; nếu tập trung từ 16 ngày cho đến 31 ngày thì được hưởng cả tháng phụ cấp; nếu tập trung trên 31 ngày thì mức phụ cấp tiếp tục được hưởng như quy định từ đầu.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này bị ốm đau, tai nạn đi khám bệnh, chữa bệnh thì thời gian đi khám bệnh, chữa bệnh được hưởng phụ cấp theo ngày làm việc nhưng không vượt quá thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động.

4. Đơn vị trực tiếp tổ chức huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động đi làm nhiệm vụ chi trả chế độ đối với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị

Gia đình quân nhân dự bị quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này, được hưởng trợ cấp như sau:

1. Mức trợ cấp

a) Mức trợ cấp 160.000 đồng/ngày áp dụng đối với gia đình quân nhân dự bị thuộc diện đang lao động, học tập, làm việc trong các cơ quan, tổ chức và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Mức trợ cấp 240.000 đồng/ngày áp dụng đối với gia đình quân nhân dự bị không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

c) Trường hợp quân nhân dự bị ốm đau, tai nạn đi khám bệnh, chữa bệnh thì gia đình quân nhân dự bị được hưởng trợ cấp nhưng không vượt quá thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động.

2. Tổ chức thực hiện

Sau khi kết thúc đợt tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động, đơn vị trực tiếp huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động lập danh sách quân nhân dự bị; xác nhận số ngày tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động; mức trợ cấp gia đình quân nhân dự bị, gửi về Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi quân nhân dự bị được gọi tập trung để chi trả trợ cấp cho gia đình quân nhân dự bị.

Điều 6. Chế độ khám bệnh, chữa bệnh; chế độ trợ cấp tai nạn; trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro

Quân nhân dự bị không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế quy định tại khoản 6 Điều 30 của Luật trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ, nếu bị ốm đau, bị tai nạn hoặc chết được thực hiện như sau:

1. Chế độ khám bệnh, chữa bệnh

Được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân, dân y; được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh, tiền ăn bệnh lý theo hóa đơn thu tiền (nếu điều trị nội trú); nếu hết thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động mà phải tiếp tục điều trị thì được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và tiền ăn bệnh lý tối đa không quá 15 ngày.

2. Chế độ trợ cấp tai nạn

a) Điều kiện hưởng trợ cấp

Quân nhân dự bị nếu bị tai nạn được Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên khám, giám định kết luận mức độ suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được hưởng trợ cấp trong trường hợp: Trên đường từ nơi ở đến nơi tập trung huấn luyện hoặc khi kết thúc đợt tập trung huấn luyện trở về nơi ở; trong giờ làm việc và tại nơi thực hiện nhiệm vụ; ngoài giờ làm việc, ngoài nơi làm nhiệm vụ khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người chỉ huy có thẩm quyền.

b) Mức trợ cấp

Suy giảm khả năng lao động 5% thì được trợ cấp một lần bằng 8.000.000 đồng; sau đó, cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 800.000 đồng.

3. Chế độ trợ cấp đối với trường hợp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro

a) Chết do tai nạn, gia đình được trợ cấp một lần bằng 57.600.000 đồng; thân nhân hoặc người tổ chức mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 16.000.000 đồng.

b) Chết do ốm đau, tai nạn rủi ro, gia đình được trợ cấp một lần bằng 4.800.000 đồng; thân nhân hoặc người tổ chức mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 16.000.000 đồng.

4. Chế độ, chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với quân nhân dự bị bị ốm đau, tai nạn hoặc chết thuộc một trong các nguyên nhân sau đây:

a) Do mâu thuẫn của chính bản thân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến việc thực hiện công việc, nhiệm vụ của đơn vị.

b) Do cố ý tự hủy hoại sức khỏe bản thân; do say rượu, bia; do vi phạm kỷ luật Quân đội, pháp luật của Nhà nước.

c) Do sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần trái với quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm thực hiện

Đơn vị trực tiếp huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí và các nội dung chi bảo đảm chế độ, chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này đối với quân nhân dự bị và gia đình quân nhân dự bị.

Điều 7. Chế độ, chính sách đối với học viên đào tạo sĩ quan dự bị; chế độ viếng sĩ quan dự bị tử trận

1. Chế độ tiền lương và phụ cấp, trợ cấp

a) Cán bộ, công chức, viên chức, hạ sĩ quan dự bị thuộc diện đang lao động, học tập, làm việc trong các cơ quan, tổ chức và hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị được cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, học tập, làm việc trả nguyên lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp, phụ cấp đi đường, tiền tàu xe theo quy định hiện hành.

b) Quân nhân chuyên nghiệp khi thôi phục vụ tại ngũ được cử đi đào tạo sĩ quan dự bị, trong thời gian đào tạo được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp, tiền tàu xe và phụ cấp đi đường như đối với quân nhân chuyên nghiệp tại ngũ.

c) Hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ được cử đi đào tạo sĩ quan dự bị, trong thời gian đào tạo được hưởng phụ cấp và các chế độ, chính sách như đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ; hết thời gian đào tạo sĩ quan dự bị được xuất ngũ.

d) Hạ sĩ quan dự bị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị, hằng tháng được hưởng phụ cấp theo cấp bậc quân hàm trong 02 năm đầu của hạ sĩ quan tại ngũ có cùng cấp bậc quân hàm.

đ) Những người tốt nghiệp đại học trở lên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; sinh viên khi tốt nghiệp đại học, trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị, hằng tháng được hưởng phụ cấp bằng mức phụ cấp quân hàm của cấp thượng sĩ.

e) Đối tượng quy định tại điểm d, điểm đ khoản này được thanh toán tiền tàu xe và phụ cấp đi đường như đối với quân nhân tại ngũ; thời gian hưởng phụ cấp theo cấp bậc quân hàm là thời gian đào tạo của từng đối tượng.

g) Học viên khi tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, ngoài tiền lương, phụ cấp hiện hưởng, được hưởng thêm một tháng tiền lương theo cấp bậc quân hàm sĩ quan dự bị được phong (không phải trừ tiền ăn, phụ cấp quân hàm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tháng đó).

2. Chế độ tiền ăn

Các đối tượng được cử đi đào tạo sĩ quan dự bị, trong thời gian đào tạo được cơ sở đào tạo bảo đảm tiền ăn như đối với học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội. Trường hợp ốm

đau nằm viện điều trị nội trú được hưởng tiền ăn bệnh lý nhưng hết thời gian đào tạo mà chưa khỏi bệnh thì được thanh toán tiền ăn bệnh lý tối đa không quá 15 ngày.

3. Chế độ quân trang, đồ dùng sinh hoạt

a) Hạ sĩ quan dự bị hạng một; cán bộ, công chức, viên chức ngoài Quân đội hưởng lương từ ngân sách nhà nước; những người tốt nghiệp đại học trở lên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, sinh viên khi tốt nghiệp đại học, trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị được cấp hoặc mượn quân trang, đồ dùng sinh hoạt.

b) Quân nhân chuyên nghiệp xuất ngũ, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ, trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị được hưởng chế độ quân trang, đồ dùng sinh hoạt như quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan tại ngũ.

4. Quy định nghỉ phép, hoãn gọi đào tạo sĩ quan dự bị đối với cán bộ, công chức đang công tác ở các cơ quan, đơn vị ngoài Quân đội

a) Trường hợp đang nghỉ phép năm mà được gọi đào tạo sĩ quan dự bị thì những ngày phép còn lại được nghỉ tiếp sau khi tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị hoặc nghỉ vào thời gian thích hợp.

b) Trường hợp thời gian tập trung đào tạo sĩ quan dự bị trùng với thời gian thi nâng bậc, thi kết thúc khóa học nghiệp vụ tại chức (có chứng nhận của cơ quan, đơn vị nơi làm việc) thì được hoãn gọi đào tạo sĩ quan dự bị đợt đó.

5. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Học viên đào tạo sĩ quan dự bị từ 03 tháng trở lên chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trong thời gian đào tạo được cơ sở đào tạo đóng bảo hiểm y tế; mức đóng, hưởng bảo hiểm y tế được thực hiện như đối với hạ sĩ quan tại ngũ.

6. Chế độ ốm đau, tai nạn hoặc chết

Đối tượng tại khoản 5 Điều này nếu bị tai nạn, chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 6 Nghị định này.

7. Về tham gia dự thi tuyển cán bộ, công chức, viên chức

Các đối tượng được tuyển chọn trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị có giấy báo thi tuyển công chức, viên chức hoặc thi nâng bậc, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức do cấp có thẩm quyền quyết định, được nghỉ học để tham gia dự thi, thời gian nghỉ không quá 07 ngày trong khóa học; được bảo lưu kết quả thi tuyển đến khi tốt nghiệp khóa đào tạo sĩ quan dự bị.

8. Chế độ viếng sĩ quan dự bị từ trần

Sĩ quan đang phục vụ ở ngạch dự bị tại địa phương từ trần, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện cùng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tổ chức đoàn viếng, mức 1.600.000 đồng/trường hợp.

Điều 8. Hồ sơ, trách nhiệm, trình tự giải quyết trợ cấp tai nạn và trợ cấp chết do tai nạn hoặc do ốm đau, tai nạn rủi ro

1. Hồ sơ đề nghị giám định tai nạn và hưởng trợ cấp tai nạn; hồ sơ hưởng trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro

a) Hồ sơ đề nghị giám định tai nạn

Giấy giới thiệu của đơn vị trực tiếp huấn luyện dự bị động viên cấp trung đoàn hoặc cơ sở đào tạo sĩ quan dự bị (đơn vị trực tiếp huấn luyện) (01 bản chính); giấy ra viện (01 bản chính hoặc bản sao) hoặc trích sao hồ sơ bệnh án; giấy chứng nhận thương tích (01 bản sao) của cơ sở y tế (nơi đã cấp cứu, điều trị quân nhân dự bị); biên bản điều tra tai nạn do đơn vị trực tiếp huấn luyện lập (01 bản chính).

b) Hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn

Biên bản điều tra tai nạn do đơn vị trực tiếp huấn luyện lập (01 bản chính); giấy ra viện (01 bản chính hoặc bản sao) hoặc trích sao hồ sơ bệnh án, hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích của cơ sở y tế (nơi đã cấp cứu, điều trị quân nhân dự bị); lệnh gọi tập trung huấn luyện hoặc quyết định gọi đào tạo sĩ quan dự bị của cấp có thẩm quyền (01 bản sao); biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa của bệnh viện cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên (02 bản chính); quyết định trợ cấp của đơn vị trực tiếp huấn luyện (02 bản chính). Trường hợp bị tai nạn giao thông thì có thêm biên bản tai nạn giao thông của cơ quan công an hoặc cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng (01 bản chính hoặc bản sao).

c) Hồ sơ hưởng trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro

Biên bản điều tra tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro do đơn vị trực tiếp huấn luyện lập (01 bản chính); giấy báo tử hoặc giấy chứng tử (01 bản sao) hoặc trích lục khai tử hoặc bản sao quyết định tuyên bố là đã chết của tòa án đã có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp mất tích); lệnh gọi tập trung huấn luyện hoặc quyết định gọi đào tạo sĩ quan dự bị của cấp có thẩm quyền (01 bản sao); quyết định trợ cấp của đơn vị trực tiếp huấn luyện (02 bản chính).

d) Hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này được lập thành 02 bộ, lưu tại: Đơn vị trực tiếp huấn luyện (01 bộ); cá nhân quân nhân dự bị, học viên đào tạo sĩ quan dự bị hoặc gia đình đối tượng 01 bộ (đối với trường hợp chết).

2. Trách nhiệm, trình tự giải quyết

a) Trường hợp giải quyết trợ cấp tai nạn

Cá nhân nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án; giấy chứng nhận thương tích của cơ sở y tế (nơi đã cấp cứu, điều trị quân nhân dự bị) cho đơn vị trực tiếp huấn luyện để lập hồ sơ giới thiệu giám định; khi nhận được thông báo của đơn vị trực tiếp huấn luyện, cá nhân trực tiếp đến Hội đồng giám định y khoa để giám định.

Đơn vị trực tiếp huấn luyện chuyển 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên để giám định cho đối tượng; khi có thông báo thời gian giám định của Hội đồng giám định y khoa thì thông báo cho đối tượng đi giám định.

Hội đồng giám định y khoa tiếp nhận hồ sơ giám định, thông báo cho đơn vị trực tiếp huấn luyện về thời gian giám định; sau thời gian giám định 05 ngày làm việc, hoàn thành Biên bản giám định và gửi cùng hồ sơ cho đơn vị trực tiếp huấn luyện.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Biên bản giám định của Hội đồng giám định y khoa, đơn vị trực tiếp huấn luyện hoàn thiện hồ sơ, quyết định hưởng trợ cấp tai nạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, thông báo cho đối tượng đến nhận trực tiếp hoặc chuyển khoản.

b) Trường hợp giải quyết trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro

Thân nhân đối tượng trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính giấy báo tử hoặc giấy chứng tử của đối tượng hoặc trích lục khai tử hoặc bản sao quyết định tuyên bố là đã chết của tòa án đã có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp mất tích) cho đơn vị trực tiếp huấn luyện.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, đơn vị trực tiếp huấn luyện có trách nhiệm thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, quyết định hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và thông báo cho gia đình đối tượng đến nhận trực tiếp hoặc chuyển khoản.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách trung ương bảo đảm cho việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Quốc phòng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm cho việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Điều 5 Nghị định này; bảo đảm chế độ, chính sách quy định tại Điều 4, Điều 6 Nghị định này trong thời gian huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động đối với đơn vị dự bị động viên thuộc bộ đội địa phương.

Điều 10. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phổ biến, tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên theo quy định của Luật và Nghị định này; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kiểm tra, kịp thời giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Bộ Tài chính bố trí ngân sách nhà nước thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của Luật và Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các địa phương và cơ quan chức năng có liên quan triển khai thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Luật và Nghị định này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 8 năm 2020.

2. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

3. Các chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên quy định tại Mục I Chương V Nghị định số 39/CP ngày 28 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên; Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 và Điều 43 Nghị định số 26/2002/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc